

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA AN PHÁT XANH**

Số: 080801/2025/TB - AAA
No.: 080801/2025/TB - AAA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hải Phòng, ngày 08 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

I. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

- Mã chứng khoán/ Stock code: AAA
- Địa chỉ/Address: Lô CN11+CN12, cụm Công Nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, Thành phố Hải Phòng, VN
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 0220.2755.997(998) – Fax: 0220.2755.113
- E-mail: info@anphatbioplastics.com

II. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Bổ sung Phụ lục 3 - Danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP và số lượng cổ phiếu được phân phối (đính kèm theo Nghị quyết số 040803/2025/NQ - HĐQT ngày 04/08/2025 về việc Thông qua tiêu chuẩn, Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động)

Toàn văn Nghị quyết số 040803/2025/NQ - HĐQT ngày 04/08/2025 đính kèm

III. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/08/2025 tại đường dẫn www.anphatbioplastics.com/This information was published on the company's website on 08/08/2025 (date), as in the link www.anphatbioplastics.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/Documents on disclosed information.

Đại diện tổ chức
Organization representative
NGƯỜI ĐỌC ỦY QUYỀN CBTT

NGUYỄN THỊ THÙY VÂN

Số: 040803/2025/NQ - HĐQT

Hải Phòng, ngày 04 tháng 08 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua tiêu chuẩn, Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 280402/2025/NQ – ĐHĐCĐ ngày 28/04/2025;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 040801/2025/BB - HĐQT ngày 04 tháng 08 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua tiêu chuẩn người lao động của Công ty được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động (“ESOP”) như sau:

- Điều kiện, tiêu chuẩn của các Công ty được tham gia ESOP gồm có:
 - Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“AAA”);
 - Công ty con của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh thành lập, hoạt động tại Việt Nam.
- Điều kiện, tiêu chuẩn người lao động tham gia ESOP gồm có:
 - Là Người lao động (CBNV) của các Công ty theo Khoản 1 Điều này đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:
 - Có hợp đồng lao động và/hoặc quyết định bổ nhiệm, quyết định phân công công việc đang còn hiệu lực;
 - Thuộc các chức danh theo phân cấp nhân sự và đủ thâm niên làm việc tính đến 31/05/2025 tương ứng (Chi tiết tại Khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này);
 - Có cam kết gắn bó làm việc tại Công ty tối thiểu 12 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
 - Là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, ngoại trừ thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Điều 2. Thông qua nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng được tham gia chương trình ESOP như sau:

Số lượng cổ phiếu phân phối cho từng đối tượng được tham gia chương trình ESOP được xác định dựa theo các nguyên tắc sau đây:

1. Nguyên tắc phân cấp Công ty: Việc phân cấp công ty trong hệ thống được xác định dựa trên vai trò trong quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh các mảng, các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, trong đó:

a) Công ty Cấp 1 gồm có:

- Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh;
- Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội;
- Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát.

b) Công ty Cấp 2 gồm có: các Công ty con còn lại.

(Danh sách và phân cấp các Công ty tham gia ESOP chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm)

2. Nguyên tắc phân cấp Nhân sự: Phân cấp nhân sự dựa trên mức độ quan trọng trong vai trò quản trị điều hành và trách nhiệm pháp lý của cá nhân đó đối với Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh và/hoặc các Công ty con, trong đó:

a) Nhân sự Cấp 1: là CBNV giữ một hoặc nhiều vị trí quan trọng, trực tiếp tham gia hoạt động quản lý, điều hành tại AAA và/hoặc các Công ty con. Danh sách và số lượng cổ phiếu ESOP phân bổ cho nhân sự Cấp 1 do Hội đồng quản trị quyết định gồm có:

STT	Họ và tên	Các chức danh nắm giữ	Số lượng cổ phiếu được phân bổ
1	Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc AAA	862,234
2	Nguyễn Thị Tien	Thành viên HĐQT AAA kiêm Cố vấn cấp cao	680,000
3	Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính AAA; Chủ tịch HĐQT L&NL	680,000
4	Trần Thị Thoản	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Thường trực AAA	680,000
5	Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch HĐQT HPC; Chủ tịch HĐQT APC; Thành viên HĐQT AP1 kiêm Cố vấn cấp cao	680,000
6	Nguyễn Trung Kiên	Phó Chủ tịch HĐQT L&NL; Thành viên HĐQT APC; Thành viên HĐQT AP1 kiêm Cố vấn cấp cao	680,000
7	Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc HPC; Chủ tịch ATI	680,000
8	Nguyễn Văn Khoản	Giám đốc kỹ thuật AAA; Tổng Giám đốc ACP	680,000

b) Nhân sự cấp 2 đến 7: Số lượng cổ phiếu được phân bổ tương ứng với chức danh và phân cấp nhân sự (theo quy định chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm), trong đó:

Phân cấp nhân sự		Thâm niên công tác	Số lượng cổ phiếu được phân bổ
Cấp 2	2.1	Có hợp đồng lao động và/hoặc quyết định bổ nhiệm, quyết định phân công công việc đang còn hiệu lực	100,000
	2.2		90,000
	2.3		86,000
	2.4		83,000
	2.5		80,000
	2.6		50,000
	2.7		43,000
Cấp 3	3.1		40,000
	3.2		23,000
Cấp 4	4.1	≥ 36 tháng (*)	20,000
	4.2		15,000
	4.3		13,000
Cấp 5		≥ 36 tháng (*)	10,000
Cấp 6			5,000
Cấp 7		≥ 60 tháng (*)	3,000

(*) Thâm niên làm việc tính đến 31/05/2025

Điều 3. Thông qua toàn văn Danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP và số lượng cổ phiếu được phân phối. (Danh sách chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm)

Điều 4. Thông qua thời gian dự kiến thực hiện: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) thông báo nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến thực hiện trong Quý III trong năm 2025. Giao cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc Công ty lựa chọn thời điểm phát hành thích hợp để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, ban Tổng giám đốc và những người có liên quan có trách nhiệm thực hiện các nội dung trong Nghị Quyết này theo đúng quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH


Nguyễn Lê Thăng Long



PHỤ LỤC 01. DANH SÁCH VÀ PHÂN CẤP CÁC CÔNG TY THAM GIA ESOP

(Kèm theo Biên bản họp HĐQT số 040801/2025/BB - HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 040803/2025/NQ – HĐQT ngày 04/08/2025)

TT	Tên Công ty	Tên viết tắt	Phân cấp Công ty
1	Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh	AAA	Công ty cấp 1
2	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội	HPC	Công ty cấp 1
3	Công ty cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	APC	Công ty cấp 1
4	Công ty cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	AVP	Công ty cấp 2
5	Công ty cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	API	Công ty cấp 2
6	Công ty cổ phần sản xuất PBAT An Phát	PBAT	Công ty cấp 2
7	Công ty TNHH An Trung Industries	ATI	Công ty cấp 2
8	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và Đầu tư Viexim	VIEXIM	Công ty cấp 2
9	Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường	ACP	Công ty cấp 2
10	Công ty cổ phần Khu công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên	LĐNL	Công ty cấp 2



PHỤ LỤC 02. BẢNG PHÂN CẤP NHÂN SỰ TỪ CẤP 2 ĐẾN CẤP 7

(Kèm theo Biên bản họp HĐQT số 040801/2025/BB - HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 040803/2025/NQ – HĐQT ngày 04/08/2025)

Cấp bậc		Chức danh	Số lượng cổ phiếu
Cấp 2	2.1	Chánh Văn phòng AAA	100,000
	2.2	Phó Chánh Văn phòng AAA/Chánh Văn phòng HPC	90,000
	2.3	Chánh Văn phòng APC	86,000
	2.4	Phó Chánh Văn phòng HPC	83,000
	2.5	Chủ tịch HĐQT AAA/Phó Chánh Văn phòng APC	80,000
	2.6	Giám đốc Ban/Giám đốc Quan hệ nhà đầu tư/Giám đốc Phát triển thị trường	50,000
	2.7	Phó Giám đốc Quan hệ Nhà đầu tư/Phó Giám đốc Phát triển thị trường	43,000
Cấp 3	3.1	Tổng Giám đốc/Giám đốc Công ty cấp 2 Phó Tổng Giám đốc/Phó Giám đốc Công ty Phó Giám đốc Ban/Giám đốc tài chính/Trợ lý Tổng giám đốc Công ty cấp 1	40,000
	3.2	Thư ký Công ty	23,000
Cấp 4	4.1	Giám đốc Nhà máy/Giám đốc Kinh doanh/Giám đốc sản xuất/Giám đốc kỹ thuật/Giám đốc chuyên môn/ Kế toán trưởng các Công ty Phó Giám đốc kinh doanh/Phó Giám đốc sản xuất/Phó Giám đốc kỹ thuật/Phó giám đốc chuyên môn/Phó Giám đốc nhà máy công ty cấp 1	20,000
	4.2	Chuyên viên cao cấp VP HĐQT	15,000
	4.3	Chuyên viên cao cấp khác	13,000



Cấp bậc	Chức danh	Số lượng cổ phiếu
Cấp 5	Phó giám đốc nhà máy/Phó Giám đốc sản xuất/Phó Giám đốc kinh doanh/Phó Giám đốc kỹ thuật công ty cấp 2 Trưởng phòng/Trưởng ban/Giám đốc chi nhánh/Quản đốc công ty cấp 1	10,000
	Phó Quản đốc/Trợ lý sản xuất công ty cấp 1 và các vị trí tương đương	
	Phó phòng công ty cấp 1, Trưởng phòng/Giám đốc Chi nhánh/Quản đốc công ty cấp 2 và các vị trí khác tương đương	
Cấp 6	Phó phòng/Phó Giám đốc chi nhánh/Phó Quản đốc/Trợ lý sản xuất công ty cấp 2	5,000
	Trưởng nhóm khối gián tiếp, Tổ trưởng sản xuất, Tổ trưởng lái xe	
Cấp 7	Nhóm trưởng, Trưởng nhóm, Tổ trưởng chuyên môn, Tổ phó tổ sản xuất/Trưởng ca/Trạm trưởng/Chuyên viên/Nhân viên khối gián tiếp, Lái xe, Lễ tân và các chức danh tương đương	3,000





PHỤ LỤC 03. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP VÀ SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN PHỐI
(Kèm theo Biên bản họp HĐQT số 040801/2025/BB - HĐQT và Nghị quyết HĐQT số 040803/2025/NQ – HĐQT ngày 04/08/2025)



		CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
							5,622,234			
(A) DANH SÁCH NHÂN SỰ CẤP 1										
1	AAA	Tổng Giám đốc AAA	Ban Lãnh đạo Công ty	Nguyễn Lê Trung	1	274	862,234			
2	AAA, LĐNL	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính AAA; Chủ tịch HĐQT LĐNL	Ban Lãnh đạo Công ty	Hòa Thị Thu Hà	1	241	680,000			
3	AAA	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực AAA	Ban Lãnh đạo Công ty	Trần Thị Hoàn	1	189	680,000			
4	AAA	Thành viên HĐQT kiêm Cố vấn cấp cao AAA	Ban Lãnh đạo Công ty	Nguyễn Thị Tiệp	1	215	680,000			
5	AAA, ACP	Tổng Giám đốc ACP, Giám đốc kỹ thuật AAA	Ban Lãnh đạo Công ty	Nguyễn Văn Khoản	1	235	680,000			
6	HPC, ATI	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc HPC; Chủ tịch ATI	Ban Lãnh đạo Công ty	Ngô Văn Thụ	1	189	680,000			
7	HPC, APC, API, AAA	Chủ tịch HĐQT HPC; Chủ tịch HĐQT APC; Thành viên HĐQT API kiêm Cố vấn cấp cao	Ban Lãnh đạo Công ty	Phạm Đỗ Huy Cường	1	83	680,000			
8	APC, API, LĐNL, AAA	Phó Chủ tịch HĐQT LĐNL; Thành viên HĐQT APC; Thành viên HĐQT API kiêm Cố vấn cấp cao	Ban Lãnh đạo Công ty	Nguyễn Trung Kiên	1	72	680,000			
(B) DANH SÁCH NHÂN SỰ CẤP 2 - 7							5,846,000			
1. CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH (AAA)							2,238,000			
1	AAA			Nguyễn Hồng Thảo	2.1	95	100,000			
2	AAA			Đỗ Thảo Quyên	2.2	36	90,000			
3	AAA			Phạm Thị Nguyệt	2.2	82	90,000			
4	AAA			Nguyễn Lê Thăng Long	2.5	91	80,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THẨM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỘ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
5	AAA			Nguyễn Xuân Cờ	3.1	120	40,000			
6	AAA			Đoàn Việt Khương	2.6	201	50,000			
7	AAA			Nguyễn Trung Thành	2.6	72	50,000			
8	AAA			Hà Thị Nhung	2.6	71	50,000			
9	AAA			Nguyễn Thủy Hà	2.6	96	50,000			
10	AAA			Đặng Thị Xuê	2.6	207	50,000			
11	AAA			Phạm Duy Anh	2.6	22	50,000			
12	AAA			Vũ Thị Hương	2.7	90	43,000			
13	AAA			Mạc Ánh Ngọc	2.7	91	43,000			
14	AAA			Đỗ Thị Hương	3.1	27	40,000			
15	AAA			Trần Minh Đức	3.1	40	40,000			
16	AAA			Hoàng Phương Hằng	3.1	109	40,000			
17	AAA			Hà Thanh Hoa	3.1	80	40,000			
18	AAA			Nguyễn Phương Anh	3.1	81	40,000			
19	AAA			Nguyễn Thị La	3.2	150	23,000			
20	AAA			Hà Văn Huy	4.1	192	20,000			
21	AAA			Tiêu Thị Nhung	4.1	160	20,000			
22	AAA			Nguyễn Thị Thùy Vân	4.1	189	20,000			
23	AAA			Nguyễn Duy An	4.1	106	20,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
24	AAA			Phạm Quang Tăng	4.1	82	20,000			
25	AAA			Nguyễn Thị Thủy Nga	4.1	90	20,000			
26	AAA			Lưu Tôn Toàn	4.1	153	20,000			
27	AAA			Phạm Văn Hiệu	4.1	155	20,000			
28	AAA			Đậu Đức Thăng	4.1	173	20,000			
29	AAA			Dương Xuân Bách	4.1	141	20,000			
30	AAA			Nguyễn Kim Dương	4.1	118	20,000			
31	AAA			Dương Thị Ngọc	4.2	120	15,000			
32	AAA			Nguyễn Thị Dung	4.3	118	13,000			
33	AAA			Phạm Thị Dung	4.3	192	13,000			
34	AAA			Đặng Thành Khương	4.3	239	13,000			
35	AAA			Nguyễn Văn Hiệu	5	150	10,000			
36	AAA			Nguyễn Thị Hồng Ngọc	5	100	10,000			
37	AAA			Bùi Minh Hải	5	136	10,000			
38	AAA			Nguyễn Thị Giang	5	208	10,000			
39	AAA			Nguyễn Thị Nga	5	109	10,000			
40	AAA			Nguyễn Văn Viện	5	79	10,000			
41	AAA			Đặng Thanh Phong	5	79	10,000			
42	AAA			Hoàng Thị Thảo	5	59	10,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
43	AAA			Trương Thanh Huyền	5	57	10,000			
44	AAA			Trần Thị Phương Hà	5	43	10,000			
45	AAA			Ngô Thị Hồng Nhung	5	60	10,000			
46	AAA			Lê Thị Yến	5	117	10,000			
47	AAA			Lê Huy Khương	5	37	10,000			
48	AAA			Nguyễn Thị Thu Thủy	5	60	10,000			
49	AAA			Vũ Thị Kim Ánh	5	119	10,000			
50	AAA			Nguyễn Thị Hồng Bích	5	210	10,000			
51	AAA			Lê Thanh Hải	5	210	10,000			
52	AAA			Nguyễn Đình Thái	5	229	10,000			
53	AAA			Lê Văn Hưng	5	203	10,000			
54	AAA			Nguyễn Duy Khoát	5	195	10,000			
55	AAA			Nguyễn Đức Trường	5	131	10,000			
56	AAA			Trần Quang Hồng	5	111	10,000			
57	AAA			Nguyễn Hùng Cường	5	121	10,000			
58	AAA			Phạm Văn Thông	5	203	10,000			
59	AAA			Nguyễn Đình Thắng	5	142	10,000			
60	AAA			Nguyễn Minh Thuận	5	167	10,000			
61	AAA			Nguyễn Đức Anh	5	111	10,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
62	AAA			Nguyễn Văn Đền	5	117	10,000			
63	AAA			Nguyễn Văn Cảnh	5	88	10,000			
64	AAA			Nguyễn Đình Đạo	5	234	10,000			
65	AAA			Phạm Khắc Đô	5	116	10,000			
66	AAA			Đỗ Văn Thân	5	147	10,000			
67	AAA			Nguyễn Thị Thúy	5	202	10,000			
68	AAA			Bùi Tuấn Anh	5	109	10,000			
69	AAA			Linh Thị Lan Anh	5	95	10,000			
70	AAA			Nguyễn Thị Loan	7	204	6,000			
71	AAA			Nguyễn Thị Kim Huệ	6	39	5,000			
72	AAA			Lê Minh Tuấn	6	121	5,000			
73	AAA			Nguyễn Thành Long	6	115	5,000			
74	AAA			Vũ Đức Trung	6	115	5,000			
75	AAA			Vũ Hoàng	6	48	5,000			
76	AAA			Đan Đình Đắc	6	146	5,000			
77	AAA			Hoàng Văn Nhanh	6	123	5,000			
78	AAA			Nguyễn Xuân Quyết	6	117	5,000			
79	AAA			Trần Đình Thụy	6	145	5,000			
80	AAA			Khuong Việt Tài	6	88	5,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHẦN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
81	AAA			Nguyễn Hữu Hùng	6	159	5,000			
82	AAA			Hoàng Văn Tư	6	106	5,000			
83	AAA			Phan Văn Huân	6	186	5,000			
84	AAA			Hoàng Danh Đức	6	110	5,000			
85	AAA			Lê Khắc Hùng	6	106	5,000			
86	AAA			Phạm Văn Hùng	6	152	5,000			
87	AAA			Nguyễn Văn Nhượng	6	203	5,000			
88	AAA			Nguyễn Văn Cường	6	71	5,000			
89	AAA			Phạm Văn Giang	6	123	5,000			
90	AAA			Phạm Thái Học	6	94	5,000			
91	AAA			Nguyễn Thanh Nam	6	144	5,000			
92	AAA			Đặng Xuân Thông	6	240	5,000			
93	AAA			Nguyễn Văn Tam	6	119	5,000			
94	AAA			Nguyễn Văn Thà	6	116	5,000			
95	AAA			Hà Tiên Khiết	6	115	5,000			
96	AAA			Nguyễn Công Tâm	6	143	5,000			
97	AAA			Đoàn Hữu Xanh	6	111	5,000			
98	AAA			Nguyễn Chí Thiết	6	108	5,000			
99	AAA			Ngô Văn Việt	6	107	5,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
100	AAA			Nguyễn Hữu Thắng	6	100	5,000			
101	AAA			Trần Văn Thắng	6	156	5,000			
102	AAA			Nguyễn Đình Quang	6	128	5,000			
103	AAA			Nguyễn Hữu Thanh	6	93	5,000			
104	AAA			Vũ Xuân Khang	6	47	5,000			
105	AAA			Bùi Xuân Hoan	7	154	3,000			
106	AAA			Trần Quang Đoàn	7	140	3,000			
107	AAA			Nguyễn Mạnh Cường	7	165	3,000			
108	AAA			Phạm Quang Quân	7	103	3,000			
109	AAA			Lê Thị Ba	7	164	3,000			
110	AAA			Nguyễn Quang Đức	7	112	3,000			
111	AAA			Trần Văn Tâm	7	76	3,000			
112	AAA			Nguyễn Đức Tuyển	7	157	3,000			
113	AAA			Nguyễn Quý Bôn	7	64	3,000			
114	AAA			Nguyễn Công Thụ	7	238	3,000			
115	AAA			Nguyễn Xuân Thịnh	7	115	3,000			
116	AAA			Trần Ngọc Tú	7	132	3,000			
117	AAA			Phạm Thị Huyền	7	160	3,000			
118	AAA			Đinh Thị Oanh	7	74	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
119	AAA			Nguyễn Thanh Tuấn	7	87	3,000			
120	AAA			Nguyễn Đình Nam	7	120	3,000			
121	AAA			Nguyễn Thị Dáng	7	128	3,000			
122	AAA			Vũ Văn Cấp	7	214	3,000			
123	AAA			Phạm Khắc Thích	7	134	3,000			
124	AAA			Phạm Thị Lân	7	189	3,000			
125	AAA			Quách Thị Giang	7	109	3,000			
126	AAA			Trần Văn Thanh	7	95	3,000			
127	AAA			Đinh Ngọc Phương	7	109	3,000			
128	AAA			Tạ Văn Thế	7	121	3,000			
129	AAA			Bùi Thị Phương	7	107	3,000			
130	AAA			Đinh Thị Hương	7	89	3,000			
131	AAA			Nguyễn Trung Thành	7	86	3,000			
132	AAA			Nguyễn Thị Tươi	7	87	3,000			
133	AAA			Đặng Văn Chương	7	155	3,000			
134	AAA			Phạm Văn Sơn	7	114	3,000			
135	AAA			Đặng Thị Loan	7	82	3,000			
136	AAA			Nguyễn Thế Hiếu	7	131	3,000			
137	AAA			Phan Văn Cường	7	119	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THẨM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỎ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
138	AAA			Lương Văn Thắng	7	112	3,000			
139	AAA			Lê Văn Thùy	7	204	3,000			
140	AAA			Phạm Huy Đoan	7	204	3,000			
141	AAA			Nguyễn Văn Luân	7	183	3,000			
142	AAA			Đoàn Duy Mạnh	7	75	3,000			
143	AAA			Nguyễn Đức Biên	7	64	3,000			
144	AAA			Trần Văn Huân	7	71	3,000			
145	AAA			Đặng Văn Kiên	7	175	3,000			
146	AAA			Nguyễn Tuấn Hùng	7	114	3,000			
147	AAA			Nguyễn Văn Phan	7	153	3,000			
148	AAA			Nguyễn Đức Duy	7	146	3,000			
149	AAA			Nguyễn Thị Tuyên	7	104	3,000			
150	AAA			Lê Thị Hồng	7	104	3,000			
151	AAA			Nguyễn Văn Thảo	7	106	3,000			
152	AAA			Nguyễn Khắc Thắng	7	64	3,000			
153	AAA			Vũ Thị Phương	7	147	3,000			
154	AAA			Vũ Tiến Trung	7	143	3,000			
155	AAA			Trần Văn Thành	7	104	3,000			
156	AAA			Vũ Anh Tuấn	7	133	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỘ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
157	AAA			Ngô Văn Bình	7	116	3,000			
158	AAA			Nguyễn Văn Thách	7	112	3,000			
159	AAA			Đặng Văn Công	7	96	3,000			
160	AAA			Nguyễn Văn Thuận	7	108	3,000			
161	AAA			Hoàng Đình Chung	7	144	3,000			
162	AAA			Nguyễn Đăng Công	7	203	3,000			
163	AAA			Phạm Viết Lượng	7	74	3,000			
164	AAA			Trần Thị Lua	7	172	3,000			
165	AAA			Vũ Xuân Toàn	7	143	3,000			
166	AAA			Phạm Văn Thành	7	93	3,000			
167	AAA			Lê Văn Huân	7	82	3,000			
168	AAA			Vũ Văn Được	7	71	3,000			
169	AAA			Hoàng Văn Đạt	7	108	3,000			
170	AAA			Nguyễn Thị Lộc	7	157	3,000			
171	AAA			Nguyễn Văn Hiền	7	70	3,000			
172	AAA			Phạm Quang Trung	7	77	3,000			
173	AAA			Đinh Xuân Đoàn	7	114	3,000			
174	AAA			Nguyễn Thị Giang	7	93	3,000			
175	AAA			Mai Song Toàn	7	175	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
176	AAA			Nguyễn Đức Hòa	7	119	3,000			
177	AAA			Nguyễn Văn Phòng	7	121	3,000			
178	AAA			Cần Đình Chiến	7	97	3,000			
179	AAA			Hoàng Duy Biên	7	100	3,000			
180	AAA			Phạm Văn Dậu	7	98	3,000			
181	AAA			Trần Văn Hùng	7	98	3,000			
182	AAA			Trần Đình Bắc	7	106	3,000			
183	AAA			Đồng Văn Trung	7	114	3,000			
184	AAA			Nguyễn Văn Mạnh	7	129	3,000			
185	AAA			Mac Đức Thọ	7	141	3,000			
186	AAA			Trần Xuân Thoảng	7	110	3,000			
187	AAA			Nguyễn Hữu Cường	7	61	3,000			
188	AAA			Bùi Xuân Mạnh	7	100	3,000			
189	AAA			Nguyễn Văn Lâm	7	107	3,000			
190	AAA			Nguyễn Văn Định	7	163	3,000			
191	AAA			Cần Đình Đặc	7	166	3,000			
192	AAA			Nguyễn Bá Tùng	7	91	3,000			
193	AAA			Nguyễn Văn Quang	7	76	3,000			
194	AAA			Phạm Đình Thương	7	118	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
195	AAA			Nguyễn Thế Cường	7	114	3,000			
196	AAA			Phạm Thị Thùy	7	73	3,000			
197	AAA			Phan Thị Dương	7	95	3,000			
198	AAA			Ngô Quý Khanh	7	103	3,000			
199	AAA			Nguyễn Xuân Khải	7	82	3,000			
200	AAA			Lê Thị Dung	7	111	3,000			
201	AAA			Đỗ Văn Hanh	7	189	3,000			
202	AAA			Lê Văn Diệp	7	93	3,000			
203	AAA			Phạm Văn Hùng	7	119	3,000			
204	AAA			Nguyễn Thị Thảo	7	137	3,000			
205	AAA			Lương Công Phước	7	154	3,000			
206	AAA			Nguyễn Đức Trung	7	105	3,000			
207	AAA			Kiều Tuấn Anh	7	86	3,000			
208	AAA			Nguyễn Hoài Nam	7	81	3,000			
209	AAA			Phạm Thị Khuyên	7	94	3,000			
210	AAA			Lê Văn Quân	7	203	3,000			
211	AAA			Nguyễn Duy Mùi	7	126	3,000			
212	AAA			Cần Đình Tuấn	7	168	3,000			
213	AAA			Phạm Đình An	7	86	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỎ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
214	AAA			Văn Thị Lan Anh	7	248	3,000			
215	AAA			Đỗ Trung Dũng	7	155	3,000			
216	AAA			Nguyễn Văn Quỳnh	7	146	3,000			
217	AAA			Bùi Thị Thái An	7	95	3,000			
218	AAA			Vũ Hồng Phúc	7	64	3,000			
219	AAA			Kiều Thị Thu Trang	7	115	3,000			
220	AAA			Lê Thị Lệ	7	92	3,000			
221	AAA			Ngô Thị Kiều Vui	7	141	3,000			
222	AAA			Nguyễn Thị Liên	7	97	3,000			
223	AAA			Nguyễn Thị Mai Anh	7	64	3,000			
224	AAA			Phạm Thị Ngọc Hạnh	7	91	3,000			
225	AAA			Phạm Thị Thoan	7	97	3,000			
226	AAA			Phạm Nguyệt Minh	7	262	3,000			
227	AAA			Trần Thị Hòa	7	165	3,000			
228	AAA			Nguyễn Cao Đại	7	208	3,000			
229	AAA			Lê Thị Thủy Anh	7	117	3,000			
230	AAA			Vũ Năng Khiên	7	108	3,000			
231	AAA			Đào Tiên Hiệp	7	86	3,000			
232	AAA			Nguyễn Văn Đức	7	123	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHẦN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
233	AAA			Phạm Thị Anh	7	148	3,000			
234	AAA			Vũ Ngọc Mai	7	79	3,000			
235	AAA			Chu Thị Hoa	7	187	3,000			
236	AAA			Nguyễn Thị Huệ	7	223	3,000			
237	AAA			Nguyễn Thị Nhung	7	86	3,000			
238	AAA			Phạm Thị Hương	7	216	3,000			
239	AAA			Vũ Mạnh Công	7	115	3,000			
240	AAA			Đỗ Thị Thủy Hoa	7	75	3,000			
241	AAA			Phạm Thanh Tuấn	7	111	3,000			
242	AAA			Vương Hồng Văn	7	96	3,000			
243	AAA			Nguyễn Quốc Đạt	7	189	3,000			
244	AAA			Hoàng Yến Nhi	7	79	3,000			
245	AAA			Hoàng Văn Dương	7	79	3,000			
246	AAA			Vũ Văn Hoàng	7	79	3,000			
247	AAA			Nguyễn Thị Nhân	7	183	3,000			
2. CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP KỸ THUẬT CAO AN PHÁT (APC)							454,000			
1	APC			Phạm Thị Thu Hường	2.3	83	86,000			
2	APC			Nguyễn Thị Mỹ Duyên	2.5	23	80,000			
3	APC			Vũ Cẩm Linh	3.1	76	40,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THẨM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
4	APC			Ứng Việt Cường	3.1	84	40,000			
5	APC			Hồ Thị Hòe	3.1	212	40,000			
6	APC			Nguyễn Thị Vân	4.1	94	20,000			
20	APC			Nguyễn Thị Vân	4.1	85	20,000			
8	APC			Phạm Minh Quân	5	76	10,000			
9	APC			Nguyễn Thị Hương	5	68	10,000			
10	APC			Nguyễn Quang Khánh	5	69	10,000			
11	APC			Phạm Thị Thu Thủy	5	127	10,000			
12	APC			Nguyễn Hào Hiệp	5	206	10,000			
13	APC			Vương Đình Hưng	5	210	10,000			
14	APC			Đỗ Kim Anh	5	86	10,000			
15	APC			Nguyễn Thị Thủy Nhi	5	63	10,000			
16	APC			Đỗ Văn Tuấn	7	71	3,000			
17	APC			Vũ Xuân Kỳ	7	64	3,000			
18	APC			Chu Văn Lợi	7	68	3,000			
19	APC			Đỗ Văn Quang	7	76	3,000			
20	APC			Nghiêm Trọng Nhuận	7	74	3,000			
21	APC			Nguyễn Văn Hoàn	7	64	3,000			
22	APC			Nguyễn Văn Biện	7	108	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
23	APC			Nguyễn Văn Hà	7	103	3,000			
24	APC			Nguyễn Thế Lợi	7	103	3,000			
25	APC			Lê Văn Khoát	7	103	3,000			
26	APC			Đặng Văn Diệp	7	99	3,000			
27	APC			Nguyễn văn Khương	7	99	3,000			
28	APC			Đỗ Huy Quảng	7	99	3,000			
29	APC			Phạm Xuân Hùng	7	99	3,000			
30	APC			Nguyễn Văn Hùng	7	97	3,000			
31	APC			Lê Văn Thái	7	95	3,000			
3. CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI (HPC)							1,338,000			
1	HPC			Vũ Thị Huyền Trang	2.2	69	90,000			
2	HPC			Nguyễn Văn Tuấn	2.4	76	83,000			
3	HPC			Nguyễn Tuấn Vinh	2.4	135	83,000			
4	HPC			Nguyễn Thị Hồng Thư	2.4	73	83,000			
5	HPC			Đỗ Thị Hương Giang	3.1	79	40,000			
6	HPC			Trần Thị Lý	3.1	56	40,000			
7	HPC			Lâm Thị Hiền	3.1	155	40,000			
8	HPC			Nguyễn Thị Huệ	3.2	160	23,000			
9	HPC			Nguyễn Trọng Quân	4.1	79	20,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
10	HPC			Nguyễn Thị Thu Nhân	4.1	166	20,000			
11	HPC			Nguyễn Thị Quỳnh Trang	4.1	25	20,000			
12	HPC			Nguyễn Hữu Phong	4.1	79	20,000			
13	HPC			Phạm Thị Ngà	4.1	99	20,000			
14	HPC			Hồ Hiếu Lương	4.3	70	13,000			
15	HPC			Hoàng Văn Vinh	5	95	10,000			
16	HPC			Hồ Tâm Long	5	79	10,000			
17	HPC			Nguyễn Quang Hưng	5	79	10,000			
18	HPC			Dương Đức Thủy	5	79	10,000			
19	HPC			Nguyễn Văn Đức	5	120	10,000			
20	HPC			Vũ Quang Chuyên	5	79	10,000			
21	HPC			Nguyễn Ngọc Diệu	5	79	10,000			
22	HPC			Nguyễn Hữu Quang	5	79	10,000			
23	HPC			Nguyễn Ngọc Thao	5	79	10,000			
24	HPC			Nguyễn Thị Thu Thủy	5	79	10,000			
25	HPC			Ngô Thị Hồng Luyn	5	73	10,000			
26	HPC			Lưu Thị Nhân	5	79	10,000			
27	HPC			Vũ Trung Hiệu	5	79	10,000			
28	HPC			Nguyễn Thị Huyền Trang	5	79	10,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỎ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
29	HPC			Nguyễn Hữu Ánh	5	79	10,000			
30	HPC			Hoàng Bá Linh	5	79	10,000			
31	HPC			Trần Thị Thanh Giang	5	79	10,000			
32	HPC			Nguyễn Đức Việt	5	39	10,000			
33	HPC			Vương Minh Hoàng	5	46	10,000			
34	HPC			Phạm Thọ Chung	5	79	10,000			
35	HPC			Lăng Văn Thông	5	79	10,000			
36	HPC			Trịnh Đình Chung	5	79	10,000			
37	HPC			Lê Minh Hùng	6	79	5,000			
38	HPC			Nguyễn Hải Đoàn	6	79	5,000			
39	HPC			Nguyễn Thùy Dung	6	79	5,000			
40	HPC			Ngô Công Nguyên	6	79	5,000			
41	HPC			Nguyễn Tiến Mạnh	6	79	5,000			
42	HPC			Phạm Thị Nhượng	6	79	5,000			
43	HPC			Trương Tuấn Anh	6	79	5,000			
44	HPC			Nguyễn Hùng Dũng	6	79	5,000			
45	HPC			Nguyễn Thế Minh	6	79	5,000			
46	HPC			Nguyễn Thanh Vi	6	79	5,000			
47	HPC			Đoàn Đình Hữu	6	79	5,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
48	HPC			Vương Thị Nga	6	90	5,000			
49	HPC			Trần Trung Dũng	6	93	5,000			
50	HPC			Nguyễn Thị Thu Hiền	6	92	5,000			
51	HPC			Nguyễn Thị Thảo	6	87	5,000			
52	HPC			Nguyễn Thị Tuyền	6	73	5,000			
53	HPC			Vũ Thị Kim Phượng	6	56	5,000			
54	HPC			Nguyễn Sĩ Hà	7	79	3,000			
55	HPC			Ngô Nam Cường	7	79	3,000			
56	HPC			Nguyễn Văn Ngọc	7	79	3,000			
57	HPC			Vũ Thị DungA	7	79	3,000			
58	HPC			Hoàng Nam Hòa	7	79	3,000			
59	HPC			Nguyễn Thị Minh Tâm	7	79	3,000			
60	HPC			Hoàng Thị Oanh	7	79	3,000			
61	HPC			Phan Thị Yên	7	79	3,000			
62	HPC			Giang Việt Hồng	7	79	3,000			
63	HPC			Nguyễn Thị Thúy	7	79	3,000			
64	HPC			Nguyễn Thị Thủy Linh	7	79	3,000			
65	HPC			Nguyễn Thị Thu Trang	7	79	3,000			
66	HPC			Nguyễn Thị Lương	7	79	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỘ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
67	HPC			Nguyễn Hữu Cảnh	7	72	3,000			
68	HPC			Nguyễn Hồng Hải	7	79	3,000			
69	HPC			Đinh Khắc Trường	7	79	3,000			
70	HPC			Phan Thanh Tùng	7	79	3,000			
71	HPC			Nguyễn Đức Huy	7	79	3,000			
72	HPC			Bùi Thế Trọng	7	79	3,000			
73	HPC			Ngô Xuân Lộc	7	79	3,000			
74	HPC			Phạm Đức Anh	7	69	3,000			
75	HPC			Nguyễn Hữu Thủy	7	79	3,000			
76	HPC			Nguyễn Thị Len	7	79	3,000			
77	HPC			Lại Thị Huyền	7	79	3,000			
78	HPC			Hoàng Thị Yên	7	79	3,000			
79	HPC			Nguyễn Thị ánh	7	79	3,000			
80	HPC			Nguyễn Thị Mai Anh	7	79	3,000			
81	HPC			Nguyễn Thị Nguyên	7	79	3,000			
82	HPC			Trần Thị Hồng Trang	7	79	3,000			
83	HPC			Hoàng Anh Tuấn	7	67	3,000			
84	HPC			Chữ Thị Khuê	7	79	3,000			
85	HPC			Trần Quốc Tuấn	7	79	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỎ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
86	HPC			Nguyễn Văn Trọng	7	79	3,000			
87	HPC			Nguyễn Đức Việt	7	79	3,000			
88	HPC			Đặng Duy Hùng	7	79	3,000			
89	HPC			Nguyễn Việt Trung	7	79	3,000			
90	HPC			Nguyễn Đức Khỏe	7	79	3,000			
91	HPC			Hoàng Thu Thủy	7	79	3,000			
92	HPC			Ngô Thị Huyền	7	79	3,000			
93	HPC			Đặng Thị Vũ Huệ	7	79	3,000			
94	HPC			Nguyễn Văn Nam	7	79	3,000			
95	HPC			Nguyễn Trọng Sáng	7	79	3,000			
96	HPC			Ngô Thiệu Dũng	7	79	3,000			
97	HPC			Dương Đình Trường	7	79	3,000			
98	HPC			Đinh Đức Anh	7	79	3,000			
99	HPC			Trần Thị Thanh Huệ	7	73	3,000			
100	HPC			Vũ Thị Thanh Thủy	7	79	3,000			
101	HPC			Vương Thị Kim Anh	7	79	3,000			
102	HPC			Nguyễn Danh Hạnh	7	79	3,000			
103	HPC			Lê Thành Trung	7	79	3,000			
104	HPC			Dương Minh Thắng	7	79	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THẨM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
105	HPC			Phạm Văn Phong	7	79	3,000			
106	HPC			Đinh Xuân Giáp	7	79	3,000			
107	HPC			Nguyễn Thị Nguyệt	7	79	3,000			
108	HPC			Hoàng Thị Sáng	7	79	3,000			
109	HPC			Nguyễn Cảnh Thắng	7	79	3,000			
110	HPC			Kiều Ngọc Ánh	7	79	3,000			
111	HPC			Lưu Văn Dũng	7	79	3,000			
112	HPC			Hồ Như Đại	7	79	3,000			
113	HPC			Nguyễn Thị Minh Thảo	7	79	3,000			
114	HPC			Bùi Thị Loan	7	79	3,000			
115	HPC			Chữ Văn Ninh	7	79	3,000			
116	HPC			Lê Xuân Hòa	7	79	3,000			
117	HPC			Nguyễn Văn Mạnh	7	79	3,000			
118	HPC			Nguyễn Văn Minh	7	79	3,000			
119	HPC			Lê Quang Hưng	7	79	3,000			
120	HPC			Quê Văn Mạnh	7	79	3,000			
121	HPC			Nguyễn Anh Thái	7	79	3,000			
122	HPC			Trần Văn Ninh	7	79	3,000			
123	HPC			Phạm Thị Thùy Vân	7	79	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
124	HPC			Nguyễn Thị Thu Thanh	7	79	3,000			
125	HPC			Vũ Thị Nguyệt	7	79	3,000			
126	HPC			Dương Thị Tiên	7	79	3,000			
127	HPC			Đỗ Thị Yên	7	79	3,000			
128	HPC			Đặng Thái Sơn	7	79	3,000			
129	HPC			Phạm Thị Huyền	7	79	3,000			
130	HPC			Nguyễn Văn Hoàn	7	79	3,000			
131	HPC			Lê Thanh Bình	7	79	3,000			
132	HPC			Cao Duy Khánh	7	79	3,000			
133	HPC			Nguyễn Khắc Hồng	7	79	3,000			
134	HPC			Nguyễn Văn Vũ	7	79	3,000			
135	HPC			Nguyễn Xuân Cường	7	79	3,000			
136	HPC			Lê Đại Dương	7	79	3,000			
137	HPC			Nguyễn Văn Thương	7	79	3,000			
138	HPC			Phạm Vũ Thắng	7	79	3,000			
139	HPC			Vũ Minh Thành	7	79	3,000			
140	HPC			Nguyễn Văn Bắc	7	79	3,000			
141	HPC			Hoàng Văn Sơn	7	79	3,000			
142	HPC			Nguyễn Công Lưu	7	79	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
143	HPC			Lương Ngọc Tuyền	7	79	3,000			
144	HPC			Vũ Văn Đạt	7	79	3,000			
145	HPC			Nguyễn Trọng Sơn	7	79	3,000			
146	HPC			Nguyễn Đức Quang	7	79	3,000			
147	HPC			Phạm Đình Quang	7	79	3,000			
148	HPC			Đặng Văn Tuấn	7	79	3,000			
149	HPC			Nguyễn Mạnh Cường	7	79	3,000			
150	HPC			Lê Việt Hoàng	7	79	3,000			
151	HPC			Dương Văn Bình	7	79	3,000			
152	HPC			Nguyễn Thanh Hoàng	7	79	3,000			
153	HPC			Nguyễn Văn Đông	7	79	3,000			
154	HPC			Đinh Việt Anh	7	79	3,000			
155	HPC			Vũ Văn Duy	7	79	3,000			
156	HPC			Nguyễn Văn Lượng	7	79	3,000			
157	HPC			Nguyễn Văn Quý	7	79	3,000			
158	HPC			Phạm Ngọc Khánh	7	79	3,000			
159	HPC			Vũ Hữu Tùng	7	121	3,000			
160	HPC			Tô Hoàng Vũ	7	100	3,000			
161	HPC			Vũ Thị Thu	7	98	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
162	HPC			Hoàng Thị Oanh	7	94	3,000			
163	HPC			Phạm Thị Ngọc Thu	7	94	3,000			
164	HPC			Tăng Văn Xứng	7	92	3,000			
165	HPC			Nguyễn Văn Khôi	7	92	3,000			
166	HPC			Vũ Mạnh Quân	7	91	3,000			
167	HPC			Phạm Văn Chính	7	91	3,000			
168	HPC			Mai Phương Anh	7	87	3,000			
169	HPC			Nguyễn Thị Nga	7	87	3,000			
170	HPC			Mạc Thúy Dương	7	85	3,000			
171	HPC			Hoàng Thị Kim Chi	7	85	3,000			
172	HPC			Tăng Văn Tuyển	7	84	3,000			
173	HPC			Bùi Văn Quân	7	79	3,000			
174	HPC			Phạm Văn Hoàng	7	79	3,000			
175	HPC			Đinh Thị Hà	7	79	3,000			
176	HPC			Nguyễn Đăng Hiếu	7	78	3,000			
177	HPC			Nguyễn Hoà Bình	7	74	3,000			
178	HPC			Nguyễn Bá Ngọc	7	68	3,000			
179	HPC			Đặng Huy Công Anh	7	64	3,000			
180	HPC			Lã Thị Thu Hương	7	63	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỜ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
181	HPC			Phạm Thị Thanh Bình	7	62	3,000			
182	HPC			Hoàng Hải Hà	7	61	3,000			
183	HPC			Nguyễn Thị Thủy	7	104	3,000			
184	HPC			Phan Thị Trà	7	61	3,000			
185	HPC			Nguyễn Trung Quân	7	193	3,000			
186	HPC			Nguyễn Văn Sơn	7	97	3,000			
187	HPC			Mạc Đức Phương	7	93	3,000			
188	HPC			Nguyễn Văn Hiệu	7	72	3,000			
189	HPC			Nguyễn Ngọc Tuyền	7	71	3,000			
190	HPC			Nguyễn Xuân Tuấn	7	127	3,000			
191	HPC			Nguyễn Văn Tuyền	7	108	3,000			
192	HPC			Trần Văn Hùng	7	108	3,000			
193	HPC			Vương Đình Tuyền	7	92	3,000			
194	HPC			Vương Đình Thế	7	92	3,000			
195	HPC			Nguyễn Danh Bằng	7	92	3,000			
196	HPC			Nguyễn Huy Quân	7	71	3,000			
197	HPC			Nguyễn Văn Ngọc	7	71	3,000			
198	HPC			Nguyễn Đăng Súc	7	69	3,000			
199	HPC			Lê Văn Pha	7	61	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
4. CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP KỸ THUẬT CAO AN PHÁT 1 (API)							183,000			
1	API			Nguyễn Thị Huyền	3.1	186	40,000			
2	API			Bùi Thị Mỹ Hạnh	4.1	49	20,000			
3	API			Nguyễn Thị Thủy Dương	4.1	108	20,000			
4	API			Phạm Văn Cường	5	108	10,000			
5	API			Nguyễn Văn Toàn	5	178	10,000			
6	API			Dương Huy Bình	5	176	10,000			
7	API			Lương Thị Thanh Huyền	5	167	10,000			
8	API			Lê Trọng Tấn	5	77	10,000			
9	API			Lê Văn Nam	5	39	10,000			
10	API			Đinh Xuân Vững	6	58	5,000			
11	API			Bùi Thị Mỹ Linh	6	70	5,000			
12	API			Phạm Văn Tú	6	83	5,000			
13	API			Hoàng Đức Sơn	6	45	5,000			
14	API			Lê Văn Đồng	6	39	5,000			
15	API			Bùi Văn Hiền	7	78	3,000			
16	API			Trần Thị Minh Phương	7	85	3,000			
17	API			Vũ Văn Sĩ	7	144	3,000			
18	API			Thái Đình Hiếu	7	84	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
19	API			Phạm Văn Ủy	7	78	3,000			
20	API			Nguyễn Thị Vân	7	77	3,000			
5. CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BAO BÌ AN VINH (AVP)							329,000			
1	AVP			Nguyễn Đình Phong	4.1	115	20,000			
2	AVP			Đông Thị Hằng	4.1	91	20,000			
3	AVP			Nguyễn Chí An	5	80	10,000			
4	AVP			Nguyễn Quý Dũng	5	205	10,000			
5	AVP			Trần Văn Mạnh	5	118	10,000			
6	AVP			Phạm Thị Nhân	5	159	10,000			
7	AVP			Triệu Ngọc Khương	5	76	10,000			
8	AVP			Đỗ Huy Trang	6	133	5,000			
9	AVP			Nguyễn Xuân Đoàn	6	179	5,000			
10	AVP			Phạm Văn Toàn	6	63	5,000			
11	AVP			Dương Danh Quyết	6	164	5,000			
12	AVP			Nguyễn Văn Luân	6	73	5,000			
13	AVP			Trần Tiến Tùng	6	99	5,000			
14	AVP			Nguyễn Đình Văn	6	63	5,000			
15	AVP			Vũ Đình Bình	6	116	5,000			
16	AVP			Tăng Tự Nhất	6	207	5,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỘ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
17	AVP			Vũ Hoàng Yên	6	169	5,000			
18	AVP			Phùng Thuỷ Ngân	6	143	5,000			
19	AVP			Ngô Tuấn Ninh	6	140	5,000			
20	AVP			Hoàng Thị Xuyên	6	122	5,000			
21	AVP			Hà Thị Anh Đào	6	108	5,000			
22	AVP			Phạm Văn Độ	6	102	5,000			
23	AVP			Vũ Mạnh Hùng	6	95	5,000			
24	AVP			Vũ Quang Hưng	6	95	5,000			
25	AVP			Nguyễn Hoàng	6	95	5,000			
26	AVP			Nguyễn Kim Hào	6	95	5,000			
27	AVP			Nguyễn Tiến Mạnh	6	94	5,000			
28	AVP			Nguyễn Mạnh Hùng	6	94	5,000			
29	AVP			Vũ Ngọc Triều	6	79	5,000			
30	AVP			Hoàng Anh Tuấn	6	78	5,000			
31	AVP			Trần Tiến Thành	6	70	5,000			
32	AVP			Lê Thị Hanh	6	42	5,000			
33	AVP			Nguyễn Văn Sáng	7	87	3,000			
34	AVP			Chu Văn Cường	7	81	3,000			
35	AVP			Phạm Thị Khuyến	7	80	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
36	AVP			Đoàn Văn Tuấn	7	79	3,000			
37	AVP			Nguyễn Thị Liên	7	97	3,000			
38	AVP			Vương Thị Hoài	7	78	3,000			
39	AVP			Nguyễn Thị Duyên	7	74	3,000			
40	AVP			Phan Thanh Hiệp	7	74	3,000			
41	AVP			Bùi Văn Tráng	7	71	3,000			
42	AVP			Nguyễn Ngọc Thúy	7	151	3,000			
43	AVP			Lê Hải Yến	7	144	3,000			
44	AVP			Đinh Thị Lan Anh	7	139	3,000			
45	AVP			Phạm Thị Ngoan	7	110	3,000			
46	AVP			Nguyễn Thế Vinh	7	107	3,000			
47	AVP			Nguyễn Thành Luân	7	105	3,000			
48	AVP			Hoàng Hải Từ	7	105	3,000			
49	AVP			Nguyễn Thị Thanh Hà	7	96	3,000			
50	AVP			Nguyễn Thị Hồng Nhung	7	94	3,000			
51	AVP			Nguyễn Trường Giang	7	93	3,000			
52	AVP			Nguyễn Thị Thu Hường	7	85	3,000			
53	AVP			Hồ Thị Hoài	7	83	3,000			
54	AVP			Phạm Thị Thúy Lụa	7	77	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
55	AVP			Lê Duy Tân	7	76	3,000			
56	AVP			Bùi Văn Nam	7	74	3,000			
57	AVP			Hà Thị Thảo	7	74	3,000			
58	AVP			Vũ Diệu Thương	7	74	3,000			
59	AVP			Nguyễn Thị Vân Anh	7	74	3,000			
60	AVP			Trần Thị Tam	7	73	3,000			
61	AVP			Hoàng Mạnh Hùng	7	71	3,000			
62	AVP			Đinh Văn Bắc	7	70	3,000			
63	AVP			Phạm Thanh Hoa	7	69	3,000			
64	AVP			Hoàng Thị Hồng Vân	7	66	3,000			
65	AVP			Đặng Anh Tuấn	7	62	3,000			
66	AVP			Nguyễn Thị Loan	7	120	3,000			
67	AVP			Đặng Đình Tiến	7	68	3,000			
68	AVP			Trần Thị Thoan	7	66	3,000			
69	AVP			Quảng Thị Chung	7	63	3,000			
70	AVP			Tô Thị Hoa	7	60	3,000			
6. CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT PBAT AN PHÁT (PBAT)							106,000			
1	PBAT			Nguyễn Thị Oanh	5	201	10,000			
2	PBAT			Nguyễn Xuân Sơn	5	188	10,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
3	PBAT			Nguyễn Trường Nam	5	185	10,000			
4	PBAT			Trần Thị Hải	5	172	10,000			
5	PBAT			Nguyễn Hoài Sơn	5	94	10,000			
6	PBAT			Lê Huy Hoàn	5	91	10,000			
7	PBAT			Nguyễn Đức Khải	6	112	5,000			
8	PBAT			Nguyễn Văn Bình	6	126	5,000			
9	PBAT			Đặng Thị Ánh	7	73	3,000			
10	PBAT			Đồng Xuân Tú	7	73	3,000			
11	PBAT			Đặng Văn Hiệu	7	205	3,000			
12	PBAT			Đặng Văn Hoàn	7	92	3,000			
13	PBAT			Nguyễn Ánh Hồng	7	92	3,000			
14	PBAT			Phạm Văn Tuấn	7	91	3,000			
15	PBAT			Tăng Văn Đình	7	87	3,000			
16	PBAT			Phạm Công Tài	7	87	3,000			
17	PBAT			Nguyễn Văn Dân	7	80	3,000			
18	PBAT			Hoàng Văn Mạnh	7	75	3,000			
19	PBAT			Nguyễn Văn Hải	7	75	3,000			
20	PBAT			Nguyễn Văn Thắng	7	74	3,000			
7. CÔNG TY TNHH AN TRUNG INDUSTRIES (ATI)							354,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
1	ATI			Lê Anh Dũng	3.1	268	40,000			
2	ATI			Vũ Thị Nền	4.1	86	20,000			
3	ATI			Đỗ Anh Tuấn	4.1	79	20,000			
4	ATI			Phạm Mai Loan	4.1	83	20,000			
5	ATI			Bùi Duy Hiếu	4.1	66	20,000			
6	ATI			Đoàn Thị Tuyền	5	110	10,000			
7	ATI			Vũ Bá Hà	5	76	10,000			
8	ATI			Phạm Công Thành	5	112	10,000			
9	ATI			Hà Ngọc Đoan	5	58	10,000			
10	ATI			Bùi Thị Nhung	5	49	10,000			
11	ATI			Vũ Thị Luyến	5	47	10,000			
12	ATI			Vũ Văn Luân	5	71	10,000			
13	ATI			Nguyễn Lê Chức	5	221	10,000			
14	ATI			Tạ Văn Khương	5	73	10,000			
15	ATI			Vương Ngọc Hà	5	59	10,000			
16	ATI			Lê Văn Tùng	5	151	10,000			
17	ATI			Tạ Phúc Tâm	5	131	10,000			
18	ATI			Lê Thị Mai Hương	6	82	5,000			
19	ATI			Đỗ Minh Mạnh	6	86	5,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
20	ATI			Vũ Đình Lực	6	78	5,000			
21	ATI			Doãn Văn Từ	6	151	5,000			
22	ATI			Nguyễn Khắc Đức	6	74	5,000			
23	ATI			Nguyễn Việt Cường	6	57	5,000			
24	ATI			Nguyễn Thị Mai Oanh	6	54	5,000			
25	ATI			Hoàng Thị Tươi	6	50	5,000			
26	ATI			Vũ Đình Bắc	6	37	5,000			
27	ATI			Trần Tuấn Anh	6	69	5,000			
28	ATI			Nguyễn Thị Mây	6	48	5,000			
29	ATI			Nguyễn Văn Hải	6	71	5,000			
30	ATI			Trần Đình Trọng	6	73	5,000			
31	ATI			Trịnh Văn Thiêm	6	73	5,000			
32	ATI			Ngô Thị Lưu	6	165	5,000			
33	ATI			Nguyễn Thị Huyền	7	74	3,000			
34	ATI			Phạm Thị Xoa	7	74	3,000			
35	ATI			Đinh Xuân Thành	7	69	3,000			
36	ATI			Nguyễn Thị Hà	7	63	3,000			
37	ATI			Vũ Thị Huyền	7	90	3,000			
38	ATI			Nguyễn Thị Lan	7	75	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
39	ATI			Trần Thị Lan Anh	7	111	3,000			
40	ATI			Hoàng Thị Thủy	7	120	3,000			
41	ATI			Vũ Văn Tùng	7	69	3,000			
42	ATI			Lưu Văn Sơn	7	63	3,000			
43	ATI			Nguyễn Văn Kiên	7	68	3,000			
44	ATI			Vũ Đình Mạnh	7	70	3,000			
45	ATI			Nguyễn Hữu Sáng	7	74	3,000			
8. CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ VIEXIM (VIEXIM)							309,000			
1	VIEXIM			Nguyễn Đình Lực	3.1	189	40,000			
2	VIEXIM			Phạm Trọng Tuyên	4.1	36	20,000			
3	VIEXIM			Trình Thị Luân	4.1	79	20,000			
4	VIEXIM			Nguyễn Mạnh Hùng	5	79	10,000			
5	VIEXIM			Nguyễn Hữu Lợi	5	79	10,000			
6	VIEXIM			Nguyễn Thị Oanh	5	79	10,000			
7	VIEXIM			Trần Văn Điệp	5	79	10,000			
8	VIEXIM			Hoàng Ngọc Trung	5	79	10,000			
9	VIEXIM			Nguyễn Tiến Vương	5	79	10,000			
10	VIEXIM			Nguyễn Văn Thúy	5	79	10,000			
11	VIEXIM			Lê Thị Hồng Thắm	6	79	5,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
12	VIEXIM			Hồ Văn Lý	6	79	5,000			
13	VIEXIM			Vũ Văn Cường	6	79	5,000			
14	VIEXIM			Vũ Quang Ninh	6	79	5,000			
15	VIEXIM			Chu Văn Long	6	79	5,000			
16	VIEXIM			Nguyễn Văn Tân	6	79	5,000			
17	VIEXIM			Đào Thị Phương	6	79	5,000			
18	VIEXIM			Nguyễn Thành Duy	6	79	5,000			
19	VIEXIM			Trần Văn Tiến	6	79	5,000			
20	VIEXIM			Nguyễn Thị Tinh	7	79	3,000			
21	VIEXIM			Phạm Văn Khôi	7	62	3,000			
22	VIEXIM			Trần Thị Thủy	7	63	3,000			
23	VIEXIM			Nguyễn Mạnh Hùng	7	79	3,000			
24	VIEXIM			Phạm Văn Tử	7	79	3,000			
25	VIEXIM			Nguyễn Như Quỳnh	7	79	3,000			
26	VIEXIM			Phạm Thị Thanh Thủy	7	79	3,000			
27	VIEXIM			Bùi Nam Huyền Trang	7	79	3,000			
28	VIEXIM			Nguyễn Công Minh	7	79	3,000			
29	VIEXIM			Lý Thị Thu Hà	7	79	3,000			
30	VIEXIM			Trương Hoàng Sơn	7	79	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
31	VIEXIM			Kiểu Nguyệt Lê	7	79	3,000			
32	VIEXIM			Trần Văn Thịnh	7	79	3,000			
33	VIEXIM			Lê Quang Thắng	7	69	3,000			
34	VIEXIM			Nguyễn Văn Đức	7	79	3,000			
35	VIEXIM			Dương Thanh Bình	7	79	3,000			
36	VIEXIM			Dương Khánh Cường	7	79	3,000			
37	VIEXIM			Phạm Quốc Dân	7	79	3,000			
38	VIEXIM			Khúc Văn Ngọc	7	79	3,000			
39	VIEXIM			Giáp Văn Mật	7	79	3,000			
40	VIEXIM			Phạm Văn Ngo	7	79	3,000			
41	VIEXIM			Lê Văn Nhi	7	79	3,000			
42	VIEXIM			Đào Kim Duy	7	79	3,000			
43	VIEXIM			Phạm Xuân Viễn	7	70	3,000			
44	VIEXIM			Nguyễn Văn Thanh	7	79	3,000			
45	VIEXIM			Vũ Văn Duy	7	75	3,000			
46	VIEXIM			Nguyễn Tuấn Anh	7	72	3,000			
47	VIEXIM			Lương Văn Thanh	7	70	3,000			
48	VIEXIM			Hà Văn Lường	7	79	3,000			
49	VIEXIM			Nguyễn Hữu Hào	7	79	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỘ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
50	VIEXIM			Phạm Văn Hoi	7	79	3,000			
51	VIEXIM			Nguyễn Tuấn Phương	7	79	3,000			
52	VIEXIM			Vũ Văn Quyết	7	79	3,000			
53	VIEXIM			Lê Hoàng Sơn	7	79	3,000			
54	VIEXIM			Nguyễn Văn Tú	7	79	3,000			
55	VIEXIM			Dương Văn Trường	7	79	3,000			
56	VIEXIM			Ngô Văn Công	7	79	3,000			
57	VIEXIM			Nguyễn Thành Đô	7	79	3,000			
9. CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ CAO AN CƯỜNG (ACP)							332,000			
1	ACP			Hoàng Anh Tú	3.1	111	40,000			
2	ACP			Phạm Ngọc Hân	4.1	94	20,000			
3	ACP			Nguyễn Hồng Trang	4.1	166	20,000			
4	ACP			Phạm Thị Lan Hương	4.1	72	20,000			
5	ACP			Nguyễn Quý Bình	4.1	77	20,000			
6	ACP			Đặng Hà Dương	5	100	10,000			
7	ACP			Trương Đình Tuệ	5	104	10,000			
8	ACP			Phạm Thị Dung	5	114	10,000			
9	ACP			Nguyễn Xuân Hà	5	196	10,000			
10	ACP			Nguyễn Văn Quang	5	140	10,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỎ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
11	ACP			Nguyễn Thị Thuý	5	100	10,000			
12	ACP			Phạm Tiến Dũng	5	61	10,000			
13	ACP			Phùng Ngọc Lâm	6	71	5,000			
14	ACP			Vũ Thị Thu Hà	6	63	5,000			
15	ACP			Vương Thị Loan	6	60	5,000			
16	ACP			Bùi Quý Khang	6	58	5,000			
17	ACP			Vũ Văn Xuân	6	71	5,000			
18	ACP			Nguyễn Trung Kiên	6	106	5,000			
19	ACP			Vương Văn Hưng	6	83	5,000			
20	ACP			Phạm Hồng Sơn	6	71	5,000			
21	ACP			Nguyễn Thị Hoa	7	92	3,000			
22	ACP			Nguyễn Thị Phương	7	168	3,000			
23	ACP			Lê Văn Hùng	7	72	3,000			
24	ACP			Lê Thị Kim Phương	7	68	3,000			
25	ACP			Đỗ Quỳnh Mai	7	76	3,000			
26	ACP			Vũ Văn Nghiệp	7	141	3,000			
27	ACP			Đặng Văn Tuấn	7	62	3,000			
28	ACP			Đỗ Thu Hương	7	87	3,000			
29	ACP			Lê Thị Thanh Yên	7	76	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
30	ACP			Phan Thị Thu	7	94	3,000			
31	ACP			Phạm Quang Tuyển	7	75	3,000			
32	ACP			Nguyễn Xuân Tuấn	7	132	3,000			
33	ACP			Võ Thị Bích Trâm	7	84	3,000			
34	ACP			Nguyễn Thị Thanh Hoài	7	67	3,000			
35	ACP			Hà Nhật Duy	7	63	3,000			
36	ACP			Trần Hoàng Viên	7	78	3,000			
37	ACP			Trần Văn Ngoan	7	80	3,000			
38	ACP			Phan Anh Đức	7	73	3,000			
39	ACP			Vũ Thị Quỳnh Hương	7	89	3,000			
40	ACP			Đoàn Thị Thương	7	91	3,000			
41	ACP			Vũ Thị Huyền Trang	7	69	3,000			
42	ACP			Phạm Thị Thanh	7	64	3,000			
43	ACP			Hoàng Thị Thu	7	122	3,000			
44	ACP			Phạm Thị Mai	7	98	3,000			
45	ACP			Nguyễn Thị Lan Anh	7	91	3,000			
46	ACP			Lò Văn Đức	7	70	3,000			
47	ACP			Vũ Quang Hưng	7	83	3,000			
48	ACP			Nguyễn Văn Luân	7	80	3,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
49	ACP			Đoàn Văn Khánh	7	71	3,000			
50	ACP			Nguyễn Văn Tiến	7	82	3,000			
51	ACP			Nguyễn Tất Lành	7	80	3,000			
52	ACP			Lê Ngọc Huy	7	81	3,000			
53	ACP			Lương Xuân Cảnh	7	70	3,000			
54	ACP			Bùi Trung Thành	7	71	3,000			
10. CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP LƯƠNG ĐIỀN NGỌC LIÊN (LĐNL)							203,000			
1	LĐNL			Hà Thị Xuyên	3.1	216	40,000			
2	LĐNL			Trần Ngọc Thái	4.1	89	20,000			
3	LĐNL			Nguyễn Thu Hằng	4.1	68	20,000			
4	LĐNL			Cao Thị Hòa	5	38	10,000			
5	LĐNL			Đỗ Đức Lộc	5	83	10,000			
6	LĐNL			Phạm Tuấn Dương	5	68	10,000			
7	LĐNL			Hoàng Văn Linh	5	44	10,000			
8	LĐNL			Trần Trung Kiên	5	44	10,000			
9	LĐNL			Phạm Ngọc Xuân	6	47	5,000			
10	LĐNL			Nguyễn Xuân Trường	6	44	5,000			
11	LĐNL			Trần Hoa Tùng	6	85	5,000			
12	LĐNL			Phạm Thị Hoa	6	79	5,000			

STT	CÔNG TY	CHỨC VỤ	BỘ PHẬN	HỌ TÊN	PHÂN CẤP	THÂM NIÊN (tháng)	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP	SỐ CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP
13	LĐNL			Trần Linh Chi	6	81	5,000			
14	LĐNL			Vũ Hồng Hanh	6	80	5,000			
15	LĐNL			Nguyễn Văn Trà	6	206	5,000			
16	LĐNL			Đặng Đức Việt	6	47	5,000			
17	LĐNL			Đinh Tuấn Hưng	7	99	3,000			
18	LĐNL			Vũ Tuấn Tuấn	7	111	3,000			
19	LĐNL			Phạm Công Thịnh	7	113	3,000			
20	LĐNL			Lê Danh Thắng	7	75	3,000			
21	LĐNL			Phạm Mạnh Hà	7	81	3,000			
22	LĐNL			Nguyễn Quốc Ngừ	7	80	3,000			
23	LĐNL			Đỗ Thị Thu Thảo	7	67	3,000			
24	LĐNL			Nguyễn Thủy Nga	7	95	3,000			
25	LĐNL			Đào Thị Hồng	7	80	3,000			
26	LĐNL			Nguyễn Diệu Linh	7	83	3,000			
27	LĐNL			Phạm Hải Yến	7	95	3,000			

TỔNG CỘNG SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ESOP ĐƯỢC PHÂN BỐ: (A) + (B)

11,468,234